

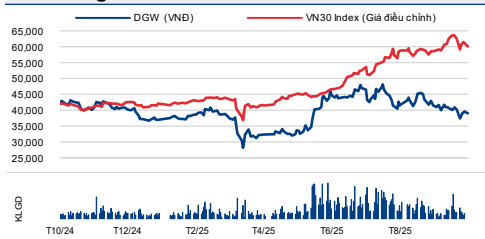
Tăng tỷ trọng

Giá mục tiêu: VNĐ50,200
Tiềm năng tăng/giảm: 28.6%

Giá cổ phiếu (đồng) (27/10/2025)	39,050
Mã Bloomberg	DGW VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	28,316-48,150
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	39,217
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	8,559
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	325
Slg CP lưu hành (tr.đv)	219
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	107
Slg CP NN được mua (tr.đv)	49.8
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	26.3%
Tỷ lệ freefloat	54.0%
Cổ đông lớn	Created Future (31.7%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
DT thuần (tỷ đồng)	22,078	24,640	28,193
EBITDA đc (tỷ đồng)	615	773	885
LNTT (tỷ đồng)	569	663	838
LNT ĐC (tỷ đồng)	444	513	647
FCF (tỷ đồng)	(157)	398	423
EPS ĐC (đồng)	2,003	2,319	2,927
DPS (đồng)	500	500	500
BVPS (đồng)	13,592	15,379	17,892
T.trưởng EBITDA (%)	23.5	25.7	14.4
T.trưởng EPS ĐC (%)	21.0	16.0	25.1
Tăng trưởng DPS (%)	0	0	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	2.79	3.14	3.14
Tỷ suất LNTT (%)	2.58	2.69	2.97
Tỷ suất LNT ĐC (%)	2.01	2.08	2.30
Tỷ lệ LN trả CT (%)	25.0	21.5	17.2
Nợ thuần/VCSH (%)	41.6	25.6	12.0
ROAE (%)	15.9	16.1	17.6
ROACE (%)	20.5	22.9	22.8
EV/doanh thu (lần)	0.44	0.38	0.32
EV/EBITDA ĐC (lần)	15.7	12.1	10.1
P/E ĐC (lần)	19.5	16.8	13.3
P/B (lần)	2.87	2.54	2.18
Lợi suất cổ tức (%)	1.28	1.28	1.28

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

DGW là nhà cung cấp dịch vụ mở rộng thị trường cho các công ty công nghệ và hàng tiêu dùng. Các mảng kinh doanh chính: điện thoại di động, máy tính xách tay và máy tính bảng, thiết bị văn phòng, hàng tiêu dùng và chăm sóc sức khỏe.

Chuyên viên phân tích

Trần Hương Mỹ
Giám Đốc, Ngành Hàng Tiêu Dùng
my.th@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 362

KQKD Q3/2025: Tích cực hơn kỳ vọng

- DGW ghi nhận KQKD Q3/2025 tích cực với doanh thu thuần đạt 7.391 tỷ đồng, tăng 19% so với cùng kỳ và 29% so với quý trước; lợi nhuận thuần tăng mạnh 37% so với cùng kỳ và 44% so với quý trước đạt 166 tỷ đồng, vượt 11% so với dự báo của HSC ở mức 150 tỷ đồng.
- Ngoại trừ mảng điện thoại di động, tất cả các mảng khác đều ghi nhận tăng trưởng. Trong đó, mảng máy tính xách tay & máy tính bảng, thiết bị văn phòng và điện máy là các động lực chính với mức tăng doanh thu lần lượt là 30%, 43% và 94% so với cùng kỳ.
- HSC đang xem xét lại dự báo, giá mục tiêu và khuyến nghị. Sau khi giá cổ phiếu giảm 13% trong 3 tháng qua, DGW đang giao dịch với P/E dự phóng 12 tháng tới là 13,9 lần, thấp hơn 1,5 độ lệch chuẩn so với bình quân từ tháng 7/2022 ở mức 19,2 lần.

Sự kiện: Công bố KQKD Q3/2025

DGW đã công bố KQKD Q3/2025 tích cực, vượt kỳ vọng. Doanh thu thuần tăng 19% so với cùng kỳ đạt 7.391 tỷ đồng, nhìn chung sát với dự báo của HSC là 7.408 tỷ đồng, trong khi lợi nhuận thuần tăng 37% đạt 166 tỷ đồng. Động lực tăng trưởng đến từ doanh thu mạnh mẽ ở các mảng máy tính xách tay & máy tính bảng, thiết bị văn phòng và điện máy, giúp bù đắp cho doanh thu yếu của mảng điện thoại di động.

So với quý trước, KQKD cũng cải thiện với doanh thu và lợi nhuận thuần tăng lần lượt 29% và 44%.

Lợi nhuận thuần thực tế vượt 11% so với dự báo 150 tỷ đồng của HSC, chủ yếu nhờ khoản thu nhập thuế TNDN hoãn lại 31 tỷ đồng chưa được đưa vào dự báo. Khoản thuế hoãn lại này liên quan đến các chi phí chưa có hóa đơn. Trên thực tế, khi không tính đến yếu tố thuế, LNTT đạt 193 tỷ đồng, tương đương với dự báo của HSC ở mức 191 tỷ đồng.

Tính chung 9 tháng đầu năm 2025, doanh thu thuần tăng 15% so với cùng kỳ đạt 18.641 tỷ đồng, đạt 76% dự báo cho cả năm 2025 của HSC; và lợi nhuận thuần tăng mạnh 91% lên 388 tỷ đồng, cũng đạt 76% dự báo cho cả năm của chúng tôi.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 28/10.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q3/2025 hợp nhất, DGW

Lợi nhuận thuần đạt 166 tỷ đồng, tăng 37% so với cùng kỳ và cao hơn 11% so với dự báo của chúng tôi

Tỷ đồng	Q3/25	So với cùng kỳ	Q3/25F	% dự báo	9T25	So với cùng kỳ	2025F	% dự báo
Doanh thu thuần	7,391	19%	7,408	100%	18,641	15%	24,640	76%
Lợi nhuận gộp	651	8%	744	87%	1,619	12%	2,377	68%
Chi phí BH&QL	(465)	-6%	(563)	83%	(1,189)	7%	(1,699)	70%
Lợi nhuận / (lỗ) tài chính	(8)	N/m	9	N/m	24	-41%	(17)	N/m
LNTT	193	31%	191	101%	478	26%	663	72%
Lợi nhuận thuần	166	37%	150	111%	388	28%	513	76%
Tỷ suất lợi nhuận gộp	8.8%		10.0%					
Chi phí BH&QL / doanh thu	-6.3%		-7.6%					
Tỷ suất lợi nhuận thuần	2.3%		2.0%					

Nguồn: DGW, HSC ước tính

Mảng máy tính xách tay & máy tính bảng: Tích cực và tương đương dự báo

Doanh thu mảng máy tính xách tay & máy tính bảng trong Q3/2025 tăng mạnh 30% so với cùng kỳ đạt 3.166 tỷ đồng, sát với dự báo của HSC là 3.156 tỷ đồng. Kết quả này đến từ nhu cầu thay thế thiết bị mạnh mẽ nhờ xu hướng tích hợp AI và việc Windows 10 ngừng hỗ trợ cùng thời điểm với mùa tựu trường.

Nhờ đó, máy tính xách tay & máy tính bảng trở thành mảng đóng góp doanh thu lớn nhất, chiếm 43% tổng doanh thu trong Q3/2025, so với 39% trong Q3/2024 và 32% trong Q2/2025.

Mảng điện thoại di động: Yếu và thấp hơn kỳ vọng

Doanh thu mảng điện thoại di động giảm 12% so với cùng kỳ xuống 1.959 tỷ đồng do các nhà bán lẻ CNTT-TT – khách hàng của DGW – mất thị phần sản phẩm Apple vào tay MWG, trong khi doanh thu sản phẩm Xiaomi đi ngang so với cùng kỳ do chịu áp lực cạnh tranh từ Oppo. Doanh thu thực tế của mảng điện thoại di động thấp hơn 16% so với dự báo của HSC là 2.048 tỷ đồng.

Do sự suy yếu gần đây, tỷ trọng doanh thu từ mảng điện thoại di động trong tổng doanh thu đã giảm xuống mức 26% trong Q3/2025, so với 36% trong Q3/2024 và 34% trong Q2/2025.

Thiết bị văn phòng: KQKD tích cực, vượt dự báo

Doanh thu thiết bị văn phòng tăng 43% so với cùng kỳ đạt 1.643 tỷ đồng, vượt 9% so với dự báo của HSC ở mức 1.504 tỷ đồng. Kết quả tích cực này được thúc đẩy nhờ nhu cầu gia tăng – về máy chủ và các thiết bị CNTT khác – từ khối doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp FDI, đang đẩy mạnh chi tiêu cho quá trình chuyển đổi số.

Mảng điện máy: KQKD tăng gần gấp đôi, vượt dự báo

Doanh thu mảng điện máy tăng mạnh 94% so với cùng kỳ đạt 427 tỷ đồng, cao hơn 8% so với dự báo của HSC là 396 tỷ đồng. Động lực tăng trưởng chủ yếu đến từ doanh thu tích cực của tivi Xiaomi cùng với đóng góp từ các thương hiệu mới bổ sung như Philips, Cuckoo và Funiki Hòa Phát.

Xem xét lại dự báo, khuyến nghị và giá mục tiêu

Do KQKD Q3/2025 của DGW vượt dự báo của HSC, chúng tôi đang xem xét lại các dự báo, giá mục tiêu và khuyến nghị của mình. Sau khi giá cổ phiếu giảm 13% trong 3 tháng qua, DGW đang giao dịch với P/E dự phóng 12 tháng tới là 13,9 lần, thấp hơn 1,5 độ lệch chuẩn so với bình quân từ tháng 7/2022 ở mức 19,2 lần.

Bảng 2: Doanh thu theo mảng sản phẩm, DGW

Tỷ đồng	Q3/25	So với cùng kỳ	Q3/25F	% dự báo	9T25	So với cùng kỳ	2025F	% dự báo
Điện thoại di động	1,953	-12%	2,078	94%	6,146	-10%	8,786	70%
Laptop & MT bảng	3,166	30%	3,156	100%	6,389	19%	7,336	87%
Thiết bị văn phòng	1,643	43%	1,506	109%	4,285	41%	5,918	72%
Thiết bị gia dụng	427	94%	396	108%	1,174	83%	1,578	74%
Hàng tiêu dùng	202	3%	271	74%	648	29%	1,021	63%
Doanh thu thuần	7,391	19%	7,408	100%	18,641	13%	24,640	46%

Nguồn: DGW, HSC ước tính

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu	18,817	22,078	24,640	28,193	31,187
Lợi nhuận gộp	1,559	2,055	2,377	2,770	3,119
Chi phí BH&QL	(1,142)	(1,529)	(1,699)	(1,989)	(2,166)
Thu nhập khác	47.0	54.9	61.3	70.1	77.5
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	464	581	739	851	1,030
Lãi vay thuần	(116)	(94.3)	(90.5)	(119)	(151)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	(4.31)	1.30	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	126	80.5	13.9	106	111
LNTT	471	569	663	838	990
Chi phí thuế TNDN	(108)	(120)	(140)	(177)	(209)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(8.20)	(4.67)	(9.52)	(13.1)	(14.6)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	354	444	513	647	766
Lợi nhuận thuần ĐC	354	444	513	647	766
EBITDA ĐC	498	615	773	885	1,064
EPS (đồng)	1,655	2,003	2,325	2,908	3,409
EPS ĐC (đồng)	1,655	2,003	2,319	2,927	3,463
DPS (đồng)	500	500	500	500	1,000
Sig CP bình quân (triệu đv)	166	219	221	221	221
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	167	219	221	221	221
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	219	219	221	221	221

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tiền & tương đương tiền	1,450	1,407	2,214	2,978	3,798
Đầu tư ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu khách hàng	1,982	2,383	2,587	2,890	3,119
Hàng tồn kho	3,003	3,501	3,768	4,067	4,363
Các tài sản ngắn hạn khác	407	483	481	557	620
Tổng tài sản ngắn hạn	6,842	7,774	9,050	10,492	11,900
TSCĐ hữu hình	38.3	67.0	68.5	69.8	70.8
TSCĐ vô hình	92.8	105	103	101	98.8
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	0	2.26	2.26	2.26	2.26
Đầu tư vào Cty LD,LK	19.1	11.5	11.5	11.5	11.5
Tài sản dài hạn khác	509	541	502	474	447
Tổng tài sản dài hạn	659	726	687	659	630
Tổng cộng tài sản	7,501	8,500	9,738	11,150	12,530
Nợ ngắn hạn	2,321	2,487	2,907	3,251	3,638
Phải trả người bán	1,557	2,303	2,834	3,243	3,587
Nợ ngắn hạn khác	810	482	317	383	434
Tổng nợ ngắn hạn	4,858	5,483	6,288	7,132	7,936
Nợ dài hạn	5.50	0	0	0	0
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	2.91	2.91	2.91	2.91	2.91
Nợ dài hạn khác	7.77	2.53	2.53	2.53	2.53
Tổng nợ dài hạn	16.2	5.45	5.45	5.45	5.45
Tổng nợ phải trả	4,874	5,488	6,294	7,138	7,942
Vốn chủ sở hữu	2,595	2,979	3,401	3,957	4,518
Lợi ích cổ đông thiểu số	32.5	33.1	42.6	55.7	70.3
Tổng vốn chủ sở hữu	2,627	3,012	3,444	4,013	4,588
Tổng nợ phải trả và VCSH	7,501	8,500	9,738	11,150	12,530
BVPS (đ)	15,531	13,592	15,379	17,892	20,427
Nợ thuần*/(tiền mặt)	877	1,080	694	273	(159)

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
EBIT	464	581	739	851	1,030
Khấu hao	(33.8)	(33.8)	(33.8)	(33.8)	(33.8)
Lãi vay thuần	(116)	(94.3)	(90.5)	(119)	(151)
Thuế TNDN đã nộp	(100)	(121)	(140)	(177)	(209)
Thay đổi vốn lưu động	226	(565)	(85.2)	(176)	(172)
Khác	(14.5)	53.8	(53.1)	20.4	17.0
LCT thuần từ HKKD	493	(112)	404	432	549
Đầu tư TS dài hạn	(29.9)	(45.2)	(6.21)	(8.90)	(9.52)
Góp vốn & đầu tư	(157)	(220)	0	0	0
Thanh lý	54.3	155	0	0	0
Khác	70.9	48.3	78.6	89.2	98.6
LCT thuần từ HĐĐT	(62.1)	(61.6)	72.4	80.3	89.0
Cổ tức trả cho CSH	(167)	(83.5)	(111)	(112)	(225)
Thu từ phát hành CP	39.8	53.3	20.0	20.0	20.0
Tăng/giảm nợ	319	160	421	344	387
Khác	-	-	-	-	-
LCT thuần từ HĐTC	191	129	330	252	182
Tiền & tương đương tiền đầu kì	828	1,450	1,407	2,214	2,978
LCT thuần trong kỳ	623	(44.0)	807	764	820
Ảnh hưởng của tỷ giá	0	0.30	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	1,450	1,407	2,214	2,978	3,798
Dòng tiền tự do	463	(157)	398	423	539

Các chỉ số tài chính	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	8.29	9.31	9.65	9.83	10.0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	2.65	2.79	3.14	3.14	3.41
Tỷ suất LNT (%)	1.88	2.01	2.08	2.30	2.46
Thuế TNDN hiện hành (%)	22.9	21.2	21.2	21.2	21.2
Tăng trưởng doanh thu (%)	(14.6)	17.3	11.6	14.4	10.6
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(44.3)	23.5	25.7	14.4	20.2
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(48.2)	25.3	15.6	26.2	18.3
Tăng trưởng EPS (%)	(46.9)	21.0	16.0	25.1	17.2
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(47.0)	21.0	15.8	26.2	18.3
Tăng trưởng DPS (%)	(50.0)	0	0	0	100
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	30.2	25.0	21.5	17.2	29.3
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	14.2	15.9	16.1	17.6	18.1
ROACE (%)	18.1	20.5	22.9	22.8	23.9
Vòng quay tài sản (lần)	2.72	2.76	2.70	2.70	2.63
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	1.06	(0.19)	0.55	0.51	0.53
Số ngày tồn kho	63.5	63.8	61.8	58.4	56.7
Số ngày phải thu	41.9	43.4	42.4	41.5	40.6
Số ngày phải trả	32.9	42.0	46.5	46.6	46.6
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	39.1	41.6	25.6	12.0	1.46
Nợ/tài sản (%)	32.9	31.1	31.7	31.0	30.8
EBIT/lãi vay (lần)	4.01	6.17	8.17	7.12	6.81
Nợ/EBITDA (lần)	4.95	4.30	3.99	3.90	3.63
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.41	1.42	1.44	1.47	1.50
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	0.39	0.44	0.38	0.32	0.27
EV/EBITDA ĐC (lần)	14.9	15.7	12.1	10.1	7.97
P/E (lần)	23.6	19.5	16.8	13.4	11.5
P/E ĐC (lần)	23.6	19.5	16.8	13.3	11.3
P/B (lần)	2.51	2.87	2.54	2.18	1.91
Lợi suất cổ tức (%)	1.28	1.28	1.28	1.28	2.56

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn